

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày: 25/02/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Tập

Bà Lê Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST - HS ngày 27 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HS ngày 11/02/2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Đức C. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 18/8/1982 tại B, Bắc Kạn

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Nông Thị V; vợ: Hoàng Hồng P (đã ly hôn) con: có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: 01: Bản án số 03/2015/HSST ngày 21/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tiến D. Tên gọi khác: Tiến D.

Sinh ngày 02/4/1987 tại Bắc Kạn

Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở: Tổ 13, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C (đã chết) và bà Phạm Thị H; vợ: Nguyễn Thị L; con: có 01 con; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện Bắc Kạn, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Bà Nông Thị U, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Lương Văn H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 03/6/2018 Nguyễn Tiến D đến nhà Hoàng Đức C xin ở nhờ và được C đồng ý. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày C rủ D đi trộm cắp tài sản, trước khi đi C nói: *“ra nhà thằng bạn lấy cái điện thoại”* ý là đi trộm chiếc điện thoại của bạn C, D đồng ý, C và D đi bộ đến khu vực thôn K, xã C, khi đến nhà bà Nông Thị U, sinh năm 1957 có con trai là Đinh Quang K, sinh năm 1984 là người có chiếc điện thoại di động C định trộm. C bảo D đợi ở ngoài cổng còn C tự đi vào nhà bà U khi đến sân thấy nhà bà U chưa tắt điện nên C đi ra nói với D: *“nhà nó chưa đi ngủ, chưa lấy được”*. D và C đứng ở cổng nhà bà U hút hết 01 điếu thuốc thì C lại quay vào quan sát thấy anh K đang nằm trên giường, điện thoại cắm tai nghe nên C không lấy được điện thoại, C tiếp tục quan sát thì phát hiện 01 xe đạp điện tại hiên nhà, chìa khóa điện vẫn cắm ở xe nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp trên, C quay ra nói với D: *“điện thoại nó để trên ngực, cắm tai nghe nhạc nên không lấy được”* rồi C hỏi D biết chỗ nào mua xe đạp điện không thì D trả lời: *“không biết, phải xuống thành phố B hỏi mới có”*, khi đó D hiểu ý của C là sẽ lấy trộm xe đạp điện mà C phát hiện được ở nhà bà U, D hỏi lại C: *“lấy xe kiểu gì được, không có chìa khóa thì lấy sao được”* thì C nói: *“chìa khóa vẫn cắm ở xe”*. C bảo D tiếp tục đợi rồi C đi vào sân nhà bà U thấy trong nhà đã tắt điện, C lén dắt chiếc xe đạp điện ra ngoài cổng gặp D, D bảo C để D đèo rồi bật chìa khóa xe chờ C đi ra đường Quốc lộ 3 rồi đến thành phố B để tìm chỗ bán chiếc xe đạp điện, nhưng do đã khuya nên C và D vào hiên Nhà thi đấu tỉnh Bắc Kạn để ngủ. Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 04/6/2018, C và D chở nhau vào khu vực C thấy quán sửa chữa xe máy, xe đạp điện “Minh Hữu” thuộc tổ 11A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, chủ cửa hàng là anh Lương Văn H, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, C đứng chờ ở ngoài còn D là người mang xe đạp vào quán “Minh Hữu” trực tiếp giao dịch bán xe được số tiền 900.000 đồng, quá trình mua bán xe H yêu cầu D viết giấy bán xe và đứng

cạnh chiếc xe cho H chụp ảnh. Sau khi bán xe C và D cầm tiền cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: 01 (một) xe đạp điện YAMAHA HTC BIKE màu đỏ đen được mua mới ngày 25/11/2016 với giá 9.500.000 đồng có giá trị tại thời điểm tháng 6/2018 là 7.600.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 01 /CT-VKS –BT ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Hoàng Đức C, Nguyễn Tiến D về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173/BLHS;

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17/BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức C từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nông Thị U, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lường Minh H không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- 01 (một) xe đạp điện màu đỏ đen nhãn hiệu YAMAHA HTC BIKE, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) hóa đơn bán hàng, tên khách hàng là Nông Thị U, tên hàng: Xe đạp điện Yamaha màu đỏ đen; 01 (một) sổ bảo hành xe đạp điện, tên khách hàng: Nông Thị U trả lại cho bà U theo quy định.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, án phí các bị cáo thi hành theo quy định.

Bị hại là bà Nông Thị U đề nghị xin nhận lại xe đạp điện, hóa đơn bán hàng, sổ bảo hành xe và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Bà U đề nghị xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lường Văn H khẳng định việc anh mua xe đạp điện của các bị cáo anh không biết đó là tài sản trộm cắp mà có, quá trình mua bán anh có yêu cầu người bán xe chụp ảnh cùng xe và anh đã cung cấp ảnh cho cơ quan điều tra. Anh đã nhận được số tiền 900.000 đồng của các bị cáo bồi thường và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Các bị cáo đều nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 03/6/2018 tại thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Bị cáo Hoàng Đức C và bị cáo Nguyễn Tiến D đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe đạp điện màu đỏ đen nhãn hiệu YAMAHA HTC BIKE của bà Nông Thị U.

Theo Kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: 01 (một) xe đạp điện YAMAHA HTC BIKE màu đỏ đen được mua mới ngày 25/11/2016 với giá 9.500.000đ có giá trị tại thời điểm tháng 6/2018 là 7.600.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Hoàng Đức C có nhân thân xấu: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 26/01/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tại Bản án số 41/2014/HSST ngày 18/11/2014 của TAND huyện B xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và phạt tiền 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, đến nay bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền phạt. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Bồi thường thiệt hại” và “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

- Bị cáo Nguyễn Tiến D có nhân thân xấu: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 04/6/2018 bị TAND thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tại Bản án số 02/2010/HSST ngày 07/01/2010 của TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn và Bản án số 18/2010/HSPT ngày 11/3/2010 của TAND tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo phải chịu án phí của hai bản án là 600.000 đồng. Đến ngày 03/6/2018 bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền án phí này tuy nhiên qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B thể hiện tại sổ sách Chi cục thi hành án dân sự thị xã B đã ra Quyết định số 17/QĐ-THA ngày 29/9/2010 Ủy thác thi hành án cho Chi cục thi hành án huyện I, tỉnh Gia Lai tuy nhiên qua kiểm tra, rà soát tại kho hồ sơ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B không phát hiện hồ sơ thi hành phần dân sự của Nguyễn Tiến D. Tại Biên bản xác minh với Chi cục thi hành án huyện I, tỉnh Gia Lai thể hiện Chi cục thi hành án huyện I không được Quyết định ủy thác số 17/QĐ-THA ngày 29/9/2010 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bắc Kạn. Xác minh tại Viện kiểm sát thành phố B thể hiện đã tiếp nhận và kiểm sát hồ sơ (kèm theo Quyết định số 17) ủy thác cho Chi cục thi hành án huyện I, tỉnh Gia Lai tuy nhiên cũng không tìm thấy hồ sơ và Quyết định số 17/QĐ-THA ngày 29/9/2010 nói trên. Tại phiên tòa bị cáo D khẳng định đến thời điểm xét xử vụ án này bị cáo chưa nhận được Quyết định thi hành án đối với phần án phí của hai bản án trên. Đối với phần bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hai bản án trên cơ quan điều tra đã lấy lời khai của anh Phạm Viết C và anh C không có yêu cầu thi hành khoản tiền trên. Do đó tính đến thời điểm xét xử không có tài liệu thể hiện cơ quan thi hành án dân sự đã ra Quyết định thi hành án phần án phí đối với bị cáo D và cũng không thu thập được Quyết định số 17/QĐ-THA ngày 29/9/2010 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B. Như vậy, đã quá thời hạn 05 năm và để bảo đảm quyền lợi của bị cáo Hội đồng xét xử xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Bồi thường thiệt hại” và “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Trong vụ án này bị cáo Hoàng Đức C và Nguyễn Tiến D cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[4]. Trong vụ án này anh Lường Văn H là người mua chiếc xe đạp điện với các bị cáo. Do anh H không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp quy định.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là bà Nông Thị U đề nghị nhận lại chiếc xe các bị cáo đã chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lường Văn H đã nhận lại đủ số tiền 900.000 đồng do các bị cáo bồi thường và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

[6]. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47/BLHS 2015; Điều 106/BLTTHS 2015.

- 01 (một) xe đạp điện màu đỏ đen nhãn hiệu YAMAHA HTC BIKE, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) hóa đơn bán hàng, tên khách hàng là Nông Thị U, tên hàng: Xe đạp điện Yamaha màu đỏ đen; 01 (một) sổ bảo hành xe đạp điện, tên khách hàng: Nông Thị U trả lại cho cho bà U theo quy định.

[7]. *Hình phạt bổ sung*: Các bị cáo là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng đối với các bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Hoàng Đức C và bị cáo Nguyễn Tiến D (tức Tiến D) phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17/BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

** Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

Trả lại cho bà Nông Thị U, sinh năm 1957, trú tại thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn 01 (một) xe đạp điện màu đỏ đen nhãn hiệu YAMAHA HTC BIKE, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) hóa đơn bán hàng, tên khách hàng là Nông Thị U, tên hàng: Xe đạp điện Yamaha màu đỏ đen; 01 (một) sổ bảo hành xe đạp điện, tên khách hàng: Nông Thị U.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

** Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 2;
- Bị hại 1;
- NCQLNVLQ 1;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Tập + Lê Thị Đào

Lý Thị Thúy